

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NĂNG
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 31/2021/DS-ST
Ngày 27 tháng 5 năm 2021
“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Đăng Huân và bà Nguyễn Thị Chinh

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Công Hà là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy - Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 5 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông N, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 191/2020/TLST-DS ngày 13 tháng 10 năm 2020 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2021/ QĐXXST - DS ngày 09 tháng 4 năm 2021 và theo Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2021/ QĐST – DS ngày 29 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Đ và P Việt Nam.

Địa chỉ: Số nhà 35, đường Hàng V, phường Lý Thái T, quận Hoàn K, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Biên Th; Chức vụ: Phó giám đốc Phòng giao dịch

Nơi làm việc: Ngân hàng thương mại cổ phần Đ và P Việt Nam chi nhánh Buôn H, Đắk Lắk - Phòng giao dịch Krông N.

Địa chỉ: Số nhà 105, đường Nguyễn Tất T, thị trấn Krông N, huyện Krông N, tỉnh Đắk Lắk.

Theo văn bản ủy quyền số 0075/BIDV.BDL ngày 11 tháng 01 năm 2021.

Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Ngọc S; sinh năm 1992, vắng mặt.

2. Bà Lê Thị Thủy T; sinh năm 1995, vắng mặt

Địa chỉ: Thôn Tân M, xã Ea T, huyện Krông N, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 28 tháng 8 năm 2017, Ngân hàng thương mại cổ phần Đ và P Việt Nam (Ngân hàng) cho ông Nguyễn Ngọc S (Ông S) và bà Lê Thị Thủy T (Bà T) vay số tiền 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng). Lãi suất: 10,3%/năm; lãi suất quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn; lãi suất chậm trả: 10,0%/năm. Thời hạn vay: 11 tháng, kể từ ngày 28 tháng 8 năm 2017. Hình thức vay: Có bảo đảm bằng giá trị quyền sử dụng đất.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông S, bà T chưa trả cho Ngân hàng bất kỳ khoản tiền nào (Bao gồm cả gốc và lãi). Tính đến ngày 27 tháng 5 năm 2021, ông S, bà T còn nợ Ngân hàng tổng số tiền 236.184.397đ (Gốc: 150.000.000đ, lãi suất trong hạn: 55.408.356đ, lãi suất quá hạn: 20.635.274, lãi suất chậm trả đối với lãi: 10.140.767đ) nhưng không trả do vậy Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông S, bà T trả cho Ngân hàng số tiền 236.184.397đ.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Nguyễn Ngọc S và bà Lê Thị Thủy T trình bày:

Ngày 28 tháng 8 năm 2017, ông bà có vay của Ngân hàng số tiền 150.000.000đ. Lãi suất: 10,3%/năm; lãi suất quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn; lãi suất chậm trả: 10,0%/năm. Thời hạn vay: 11 tháng, kể từ ngày 28 tháng 8 năm 2017. Để đảm bảo khoản vay, ông bà thế chấp cho Ngân hàng giá trị quyền sử dụng đất của thửa đất số 129, tờ bản đồ số 16, diện tích 4.958,5m², theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 104176 ngày 13 tháng 9 năm 2016, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp cho ông Nguyễn Ngọc S và bà Lê Thị Thủy T. Đến nay, ông bà còn nợ Ngân hàng số tiền gốc 150.00.000đ và lãi suất phát sinh trên tổng số dư nợ theo hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết. Do làm ăn thua lỗ, điều kiện kinh tế khó khăn nên ông bà chưa trả nợ cho Ngân hàng được vì vậy Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông bà trả số tiền 150.000.000đ và lãi suất phát sinh, thì ông bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Hợp đồng tín dụng số 01/2017/9020898/HĐTD ngày 28 tháng 8 năm 2017 thể hiện nội dung: Ngân hàng thương mại cổ phần Đ và P Việt Nam cho ông Nguyễn Ngọc S vay số tiền 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng). Lãi suất: 10,3%/năm; lãi suất quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn; lãi suất chậm trả: 10,0%/năm. Thời hạn vay: 11 tháng, kể từ ngày 28 tháng 8 năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát sau khi phát biểu ý kiến đã khẳng định Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đầy đủ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; Đại diện của nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án. Mặc dù Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng buộc ông S, bà T trả số tiền 236.184.397đ và lãi suất phát sinh, kể từ ngày 28 tháng 5 năm 2021 cho đến khi trả xong nợ. Sau khi ông S, bà T trả đủ số nợ, thì Ngân hàng có nghĩa vụ trả lại cho ông S, bà T tài sản đã thế chấp. Trường hợp ông S, bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng

có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Về án phí đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật có tranh chấp và thụ lý vụ án:

+ Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền vay theo hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết. Như vậy quan hệ pháp luật ở đây là: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Nguyên đơn làm đơn khởi kiện và có nộp tiền tạm ứng án phí. Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại xã Ea T, huyện Krông N, tỉnh Đắk Lắk, vì vậy Tòa án nhân dân huyện Krông N, tỉnh Đắk Lắk căn cứ vào các Điều 35, 39 và khoản 3 Điều 195 của Bộ luật tố tụng dân sự để thụ lý vụ án.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Mặc dù đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng ông S, bà T vẫn vắng mặt tại phiên tòa, vì vậy Tòa án căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[3]. Về nội dung quan hệ pháp luật có tranh chấp:

Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, thì Hội đồng xét xử thấy rằng:

Tại giấy ủy quyền ngày 30 tháng 9 năm 2016 bà Lê Thị Thủy T ủy quyền cho ông Nguyễn Ngọc S thực hiện việc thế chấp và vay tài sản. Tại Hợp đồng tín dụng số 01/2017/9020898/HĐTD ngày 28 tháng 8 năm 2017 thể hiện nội dung: Ngân hàng thương mại cổ phần Đ và P Việt Nam cho ông Nguyễn Ngọc S vay số tiền 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng). Lãi suất: 10,3%/năm; lãi suất quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn; lãi suất chậm trả: 10,0%/năm. Thời hạn vay: 11 tháng, kể từ ngày 28 tháng 8 năm 2017. Quá trình giải quyết vụ án, ông S, bà T thừa nhận còn nợ của Ngân hàng số tiền 150.000.000đ và lãi suất phát sinh, nhưng do điều kiện kinh tế khó khăn nên chưa trả được. Như vậy tính đến ngày 27 tháng 5 năm 2021, ông S, bà T còn nợ Ngân hàng tổng số tiền 236.184.397đ (Gốc: 150.000.000đ, lãi suất trong hạn: 55.408.356đ, lãi suất quá hạn: 20.635.274, lãi suất chậm trả đối với lãi: 10.140.767đ) nhưng chưa trả, đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng và theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự vì vậy Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông S, bà T trả 236.184.397đ là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật, cho nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, buộc ông S, bà T trả cho Ngân hàng số tiền là 236.184.397đ.

[4]. Về án phí: Mặc dù yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được Tòa án chấp nhận và ông S, bà T là cá nhân thuộc hộ cận nghèo, nhưng ông S, bà T không làm đơn miễn nộp án phí do đó ông S, bà T phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về dân sự có giá ngạch với số tiền 11.809.219đ (Được tính là 236.184.397đ x 5% = 11.809.219đ).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các điều 147; 227; 235; 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ các điều 385; 398; 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ và P Việt Nam, buộc ông Nguyễn Ngọc S, bà Lê Thị Thủy T trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ và P Việt Nam số tiền 236.184.397đ (Gốc: 150.000.000đ; Lãi suất tính đến ngày 27 tháng 5 năm 2021: 86.184.397đ).

Tiếp tục tính lãi suất phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 01/2017/ 9020898/HĐTD ngày 28 tháng 8 năm 2017 đã ký kết giữa các bên, kể từ ngày 28 tháng 5 năm 2021 cho đến khi ông Nguyễn Ngọc S, bà Lê Thị Thủy T trả xong nợ.

Trường hợp ông Nguyễn Ngọc S, bà Lê Thị Thủy T trả xong nợ thì Ngân hàng thương mại cổ phần Đ và P Việt Nam phải trả lại cho ông Nguyễn Ngọc S, bà Lê Thị Thủy T giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 104176, thuộc thửa đất số 129, tờ bản đồ số 16, diện tích 4.958,5m², do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp cho hộ ông Nguyễn Ngọc S, bà Lê Thị Thủy T ngày 13 tháng 9 năm 2016.

Trường hợp ông Nguyễn Ngọc S, bà Lê Thị Thủy T vi phạm nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng thương mại cổ phần Đ và P Việt Nam có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản mà ông Nguyễn Ngọc S, bà Lê Thị Thủy T đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 01/2016/9020898/HĐBĐ ngày 30 tháng 9 năm 2016 để thu hồi nợ.

2. Về án phí:

+ Ông Nguyễn Ngọc S, bà Lê Thị Thủy T phải nộp 11.809.219đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ và P Việt Nam số tiền 5.523.000đ đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông N, tỉnh Đắk Lắk theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/ 0014960 ngày 02 tháng 10 năm 2020.

3. Về quyền và thời hạn kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại điều 2 của Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Krông Năng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

